TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:361/2025/HNGĐ-ST
Ngày:15-4-2025.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Chiến.

1. Bà Trần Thị Nga.

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: không.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 27/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025. Về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/3/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh TT, sinh năm: 1982

Địa chỉ: A6/51 ấp 1A, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Lê Thị A PP, sinh năm: 1983

Địa chỉ: A6/51 ấp 1A, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh TT trình bày: Ông Nguyễn Thanh TT và bà Lê Thị A PP kết hôn vào năm 2003. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 206; quyển 02/03; ngày 22/12/2003.Thời gian đầu sống chung hạnh phúc và có 03 con chung: Nguyễn Thị Khánh Ngọc, sinh năm: 2004 (đã trưởng thành); Nguyễn Kim Ngọc Quí, sinh ngày: 12/3/2012 và Nguyễn Khánh Duy, sinh ngày: 18/3/2015.

Đến đầu năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được; nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống; không ai quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên ông TT yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà PP.

Về con chung: Có 03 con chung: Nguyễn Thị Khánh Ngọc, sinh năm: 2004 (đã trưởng thành) ; Nguyễn Kim Ngọc Quí, sinh ngày: 12/3/2012 và Nguyễn Khánh Duy, sinh ngày: 18/3/2015. Ông TT yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Kim Ngọc Quí, sinh ngày: 12/3/2012 và Nguyễn Khánh Duy, sinh ngày: 18/3/2015. Riêng Nguyễn Thị Khánh Ngọc đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu. Ông TT không yêu cầu bà PP cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải: Bị đơn – bà Lê Thị A PP trình bày.:

Bà Lê Thị A PP xác nhận lời trình bày của ông TT là đúng: Ông Nguyễn Thanh TT và bà Lê Thị A PP kết hôn vào năm 2003. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 206; quyển 02/23; ngày 22/12/2003. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc và có 03 con chung: Nguyễn Thị Khánh Ngọc, sinh năm: 2004 (đã trưởng thành) ; Nguyễn Kim Ngọc Quí, sinh ngày: 12/3/2012 và Nguyễn Khánh Duy, sinh ngày: 18/3/2015. Đến đầu năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được; nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống; không ai quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên ông TT yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà PP. Bà PP đồng ý ly hôn với ông TT.

Về con chung: Có 03 con chung: Nguyễn Thị Khánh Ngọc, sinh năm: 2004 (đã trưởng thành); Nguyễn Kim Ngọc Quí, sinh ngày: 12/3/2012 và Nguyễn Khánh Duy, sinh ngày: 18/3/2015. Bà PP đồng ý giao trẻ Nguyễn Kim Ngọc Quí, sinh ngày: 12/3/2012 và Nguyễn Khánh Duy, sinh ngày: 18/3/2015 cho ông TT nuôi dưỡng. Riêng Nguyễn Thị Khánh Ngọc đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu. Bà PP không cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thống nhất, thoả thuận được với nhau những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyễn Thanh TT và bà Lê Thị A PP thuận tình ly hôn. Về con chung: Nguyễn Thanh TT và bà Lê Thị A PP thoả thuận giao trẻ Nguyễn Kim Ngọc Quí, sinh ngày: 12/3/2012 và Nguyễn Khánh Duy, sinh ngày: 18/3/2015 cho ông TT nuôi dưỡng. Riêng Nguyễn Thị Khánh Ngọc, sinh năm 2004 đã trưởng thành.Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyễn Thanh TT và bà Lê Thị A PP thoả thuận bà PP không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà PP đề nghị cho thêm thời gian để bà và ông TT thoả thuận phân chia tài sản chung, nợ chung xong thì bà sẽ ký biên bản hoà giải thành. Nguyễn Thanh TT trình bày giữa ông và PP không có tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ông Nguyễn ThanhTT khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với bà Lê Thị A PP; ông bà PP có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn bà Lê Thị A PP; Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà PP vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án; ông TT có đơn xin giải quyết vắng mặt; Hội

đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông TT và bà PP theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về Nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 206; quyển 02/03; ngày 22/12/2003; do Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thanh TT và bà Lê Thị A PP là hôn nhân hợp pháp được qui định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh TT và bà Lê Thị A PP cùng xác nhận là đời sống chung có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn hòa hợp và không ai còn quan tâm chăm sóc nhau từ lâu.

Đồng thời, qua lời trình bày của các đương sự về mâu thuẫn và thực tế cả hai đã không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau thì có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông Nguyễn Thanh TT yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị A PP là có cơ sở và phù hợp pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông TT.

[2.2] Về con chung: Nguyễn Thanh TT và bà Lê Thị A PP có 03 con chung: Nguyễn Kim Ngọc Quí, sinh ngày: 12/3/2012 và Nguyễn Khánh Duy, sinh ngày: 18/3/2015. Riêng Nguyễn Thị Khánh Ngọc, sinh năm 2004 đã trưởng thành. Ông TT yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung.

Xét thấy; Tại biên bản ghi nhận ý kiến trẻ thì các trẻ Quí và trẻ Duy đều có mong muốn được ở với cha. Tại biên bản hòa giải thì bà PP đồng ý giao các con chung cho ông TT nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, để ổn định cuộc sống và sự phát triển tâm sinh lý của trẻ nên việc ông Nguyễn Thanh TT yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Quí và trẻ Duy là có cơ sở và phù hợp pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con của ông TT.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyễn Thanh TT không yêu cầu bà Lê Thị A PP bà PP không cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà PP.

[3] Về tài sản chung: ông Nguyễn Thanh TT khai là không có tài sản chung và nợ chung.

Bà Lê Thị A PP khai có tài sản chung; bà PP đề nghị để bà và ông TT thoả thuận phân chia tài sản chung xong thì bà sẽ ký biên bản thuận tình ly hôn. Tòa đã tạo điều kiện và cho thời gian để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung, nhưng không đương sự nào thông báo cho Tòa án biết kết quả thỏa thuận. Đồng thời bà PP cũng không nộp đơn và các chứng cứ yêu cầu Tòa án chia tài sản chung.

Xét thấy, tại đơn khởi kiện và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có đương sự nào yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung; đồng thời không có đương sự nào cung cấp cho Toà án tài liệu, chứng cứ về tài sản chung và nợ chung. Do đó, Toà án chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện vì không thể tự đặt ra để giải quyết.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định "Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó".

Trong vụ án này, các đương sự không có yêu cầu giải quyết về việc phân chia tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không thể tự đặt ra để giải quyết.

Do đó, nếu các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác là phù hợp pháp luật.

[4]. Bà Lê Thị A PP đã được Tòa án triệu tập đến tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bà vẫn vắng mặt. Vì vậy, bà PP đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 6; Điều 91, 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thanh TT đối với bà Lê Thị A PP.

Giấy chứng nhận kết hôn số 206; quyển 02/03; ngày 22/12/2003; do Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Kim Ngọc Quí, sinh ngày: 12/3/2012 và Nguyễn Khánh Duy, sinh ngày: 18/3/2015 cho ông Nguyễn Thanh TT trực tiếp nuôi dưỡng. Riêng Nguyễn Thị Khánh Ngọc, sinh năm 2004 đã trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyễn Thanh TT không yêu cầu bà Lê Thị A PP cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà PP.

Bà Lê Thị A PP có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự nếu có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

4.Về án phí: Ông Nguyễn Thanh TT chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0051733 ngày 07/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự (4);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Cơ quan nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

2AAKKBQ*ejicac+

Vũ Ngọc Chiến